

Bản án số: 13/2017/HNGĐ -ST

Ngày: 19 - 9 - 2017

“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN .

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Ngọc Thăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Lai.

2. Ông Trần Quang Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kim Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc “ Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1962. (có mặt)

Nơi cư trú: thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1959. (vắng mặt)

HKTT: Số 44 đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. *Người làm chứng:* Chị Trần Minh H, sinh năm 1972.(vắng mặt)

Nơi cư trú: phố T - phường N - quận T - thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2017 và các lời khai tại Toà án của nguyên đơn là bà Trần Thị L yêu cầu ly hôn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Hoàng Văn T - sinh năm 1959, là hai người cùng địa phương, có thời gian tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào năm 1985 (Do thất lạc đăng ký nên vợ chồng bà L, ông T đăng ký lại vào ngày 02/12/2015). Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, bà L về ngay gia đình ông T làm ăn sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, bên cạnh đó ông T thường có những lời nói thiếu tôn trọng và xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà L. Nhiều lần vợ chồng trao đổi với nhau nhưng không có biến chuyển tốt, mâu thuẫn vợ chồng vẫn luôn luôn tồn tại. Vì nghĩ đến các con còn nhỏ và không muốn mái ấm gia đình bị đổ vỡ nên bà L vẫn cố gắng chịu đựng. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến năm 2014 thì căng thẳng và ly thân. Tuy bà L và ông T vẫn chung sống cùng một mái nhà nhưng vợ chồng không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Nay bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, hạnh phúc gia đình không đạt được. Bà L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để bà có điều kiện ổn định cuộc sống mới.

+Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Bích V - sinh năm 1985 và cháu Hoàng Trung Đ - sinh năm 1991. Do cháu V và cháu Đ đều đã đến tuổi thành niên nên nếu vợ chồng ly hôn, bà L tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Bà L tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, hòa giải tại Tòa án, bị đơn là ông Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, điều kiện, cơ sở kết hôn như bà L trình bày là đúng. Do có sự di chuyển chỗ ở nên vợ chồng ông đã làm thất lạc giấy chứng nhận kết hôn do đó không thể cung cấp bản chính giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng, sau đó vợ chồng đã ra UBND xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn lại vào ngày 02/12/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 mới phát sinh mâu thuẫn, không phải như bà L trình bày. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và trong làm ăn kinh tế. Gia đình hai bên cũng động viên khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Ông T thừa nhận mặc dù ông và bà L vẫn chung sống cùng một mái nhà nhưng vợ chồng không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Nay Bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông và có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho ly hôn. Quan điểm của ông T xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng những mâu thuẫn

đó chưa đến mức ly hôn, nếu bà L cương quyết đề nghị Tòa giải quyết theo yêu cầu của bà L.

+ Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên là cháu Hoàng Bích V - sinh năm 1985 và cháu Hoàng Trung Đ - sinh năm 1991. Do cháu V và cháu Đ đều đã đến tuổi thành niên nên nếu vợ chồng ly hôn ông T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Ông T tự thỏa thuận với bà L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn ông Hoàng Văn T. Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: bà L tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn đề nghị ngày 31/8/2017 ông T trình bày: Ông không mong muốn vợ chồng ly hôn, nhưng nếu bà L kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà L. Ông T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, vì lý do công việc ông T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Hoàng Văn T.

+ Về con chung; tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức : không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông T hợp lệ. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ông. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên năm 1985. Như vậy, hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung. Theo bà L đến năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, bên cạnh đó ông T có những lời nói thiếu tôn trọng và xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà L. Nhưng vì con cái, bà đã cố gắng chịu đựng để nuôi dạy các cháu trưởng thành. Đến năm 2014 thì vợ chồng mâu thuẫn thực sự trầm trọng. Việc vợ chồng đi đăng ký lại vào năm 2015 cũng chỉ vì hoàn thiện thủ tục cho con chung và để bà có đủ giấy tờ ly hôn với ông T mà không nhằm mục đích về chung sống; Ông T cũng thừa nhận đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và trong làm ăn kinh tế. Qua xác minh với UBND xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên cũng như lời trình bày của em ruột bà L việc vợ chồng ông T, bà L hiện nay mâu thuẫn căng thẳng là đúng. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng bà L cương quyết xin ly hôn, ông T thừa nhận mặc dù hiện nay ông và bà L vẫn chung sống cùng một mái nhà nhưng vợ chồng không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Quan điểm của ông T xác định nếu bà L cương quyết ly hôn đề nghị Tòa giải quyết theo yêu cầu của bà L và không yêu cầu Tòa án hòa giải, ông T đề nghị Tòa xét xử vắng mặt. Chứng tỏ ông T không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho bà L được ly hôn ông T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Vợ chồng bà L, ông T có 02 con chung là Hoàng Bích V - sinh năm 1985 và cháu Hoàng Trung Đ - sinh năm 1991. Xét thấy, đến nay cháu V và cháu Đ đều đã thành niên và tự lập. Bà L, ông T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung nên không phải giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: Bà L và ông T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn là bà Trần Thị L phải chịu tiền án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Hoàng Văn T.
2. Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: Không phải giải quyết.
4. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 007197 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt được tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã C;
- VKSND huyện Kim Động;
- THA huyện Kim Động;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Thắng